

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KONTUM
TỈNH KONTUM**

Bản án số: 19/2018/HS-ST.

Ngày: 27/4/2018.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Văn Nurm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông A Bruk.

2. Bà Lê Thị Ngọc Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Trịnh Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2018/TLST-HS ngày 22 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hoàng G, (Tên gọi khác: C), sinh ngày 14/5/1991 tại tỉnh Kon Tum; nơi cư trú: Thôn Phương Q II, xã Vinh Q, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Võ Thị Q (đã chết); tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân:

Năm 2008, bị cáo bị Tòa án nhân dân Thị xã Kon Tum (nay là Thành phố Kon Tum) tuyên phạt 12 tháng tù giam về tội “*Cố ý gây thương tích*”;

Ngày 17/4/2012 bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố KonTum khởi tố bị can về hành vi “*Cố ý gây thương tích*”, đến ngày 18/01/2013 người bị hại rút đơn yêu cầu khởi tố vụ án nên Tòa án nhân dân thành phố KonTum đình chỉ giải quyết vụ án;

Ngày 02/4/ 2013 bị Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum tuyên phạt 02 năm tù giam về tội “*Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng*”, đến ngày 18 tháng 10 năm 2014 thì chấp hành xong hình phạt trở về địa phương (đã xóa án tích theo điểm b khoản 2 Điều 70 Bộ luật hình sự năm 2015).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/10/2017 đến ngày 06/02/2018 được Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum thay thế biện pháp ngăn chặn từ tạm giam sang “Bảo lĩnh”. Hiện bị cáo đang được tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Hữu D, (Tên gọi khác: B) sinh ngày 20/8/1988 tại tỉnh Kon Tum; nơi cư trú: Thôn KonRờB II, xã Vinh Q, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu V (đã chết) và bà Nguyễn Thị V; có vợ là Lê Thị Thanh N và 01 con là Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 2017; tiền sự: không; tiền án: 02.

Ngày 25/9/2006 bị Tòa án nhân dân Thị xã Kon Tum (nay là Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum) tuyên phạt 36 tháng tù giam về tội “*Cố ý gây thương tích*”;

Ngày 10/01/2011 bị Tòa án nhân dân Thành phố Kon Tum tuyên phạt 30 tháng tù giam về tội “*Cố ý gây thương tích*”;

Tại bản án số 46/2014/HS-ST, ngày 12/5/2014 của Tòa án nhân dân Thành phố Kon Tum tuyên phạt bị cáo 36 tháng tù giam về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Đến ngày 16/5/2016 thì chấp hành xong hình phạt về lại địa phương.

Ngày 08/10/2017 thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản tại phường Ngô M – thành phố Kon Tum. Ngày 22/12/2017 đến đầu thú tại Công an thành phố Kon Tum. Ngày 26/12/2017, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Kon Tum ra quyết định khởi tố bị can, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị can đang tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

3. Trần Quang H, (Tên gọi khác: N) sinh ngày 01/4/1997 tại tỉnh Kon Tum; nơi cư trú: thôn Phương Q I, xã Vinh Q, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Công D và bà Võ Thị Mỹ K; tiền án: không; tiền sự: không, nhân thân:

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/10/2017 đến ngày 31/01/2018 được Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum thay thế biện pháp ngăn chặn từ tạm giam sang “Bảo lĩnh”. Hiện bị cáo đang được tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Quang T, (Tên gọi khác: T) sinh ngày 17/4/1995 tại tỉnh Kon Tum; nơi cư trú: Số 195 Hoàng Thị L, tổ 11, phường Quang T, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quang T và bà Phan Thị Linh H; có vợ là Phan Thị Phương T và 01 con là Nguyễn Quang T, sinh năm 2017; tiền án: không; tiền sự: không, nhân thân:

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/10/2017 đến ngày 06/02/2018 được Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum thay thế biện pháp ngăn chặn từ tạm giam sang “Bảo lĩnh”. Hiện bị cáo đang được tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

5. **Nguyễn Quốc Duy T1**, (Tên gọi khác: M) sinh ngày 08/9/1997 tại tỉnh Kon Tum; nơi cư trú: thôn Phương Q I, xã Vinh Q, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Kim L; tiền án: không; tiền sự: không, nhân thân:

Ngày 08/10/2017 thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản tại phường Ngô M – thành phố Kon Tum. Ngày 20/12/2017 đến đầu thú tại Công an thành phố Kon Tum. Ngày 10/01/2018, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Kon Tum ra Quyết định khởi tố bị can, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị can đang tại ngoại.

- **Người bị hại:** Anh Nguyễn Tấn T, sinh năm 1992. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn Thánh G, xã Ia K, huyện Đức C, tỉnh Gia Lai.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Nguyễn Hoàng Giang, sinh năm 1993. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn Phương Q II, xã Vinh Q, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum.

- **Người làm chứng:**

1) Anh Nguyễn Gia Đ, sinh năm 1998. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn KonRờB I, xã Vinh Q, tỉnh KonTum.

2) Anh Nguyễn Tấn D, sinh năm 1983. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn Thánh G, xã Ia K, huyện Đức C, tỉnh Gia Lai.

3) Anh Lại Quốc H, sinh năm 1988. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Tổ 4, phường Ngô M, thành phố Kon Tum.

4) Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Tổ 4, phường Ngô M, thành phố Kon Tum.

5) Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn Tâm T, huyện Cư J, tỉnh Đắk Lắk.

6) Anh Nguyễn Quốc T, sinh năm 1969. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Số 17 Trần Quốc T, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum.

7) Anh Đinh Văn T, sinh năm 1998. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Tổ 2, phường Ngô M, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum.

8) Anh Trần Văn H, sinh năm 1998. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn Hòa B, xã Sa N, huyện Sa T, tỉnh Kon Tum.

9) Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1997. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn Hòa B, xã Sa N, huyện Sa T, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 08/10/2017, Nguyễn Hoàng G điều khiển xe mô tô biển kiểm soát (BKS) 82B1- 540.50 đi trên tỉnh lộ 675 đoạn đường đi qua địa phận phường Ngô M, thành phố Kon T thì phát hiện thấy anh Nguyễn Tấn T cùng một số người anh T thuê đang khai thác cưa, cắt cây cao su để lấy gỗ tại lô cao su thuộc tổ 4, phường Ngô M, thành phố Kon T. Sau đó G về nhà thì có Trần Quang H; Nguyễn Quang T; Nguyễn Hữu D; Nguyễn Quốc Duy T1 và hai anh em Trần Văn Đ; Trần Văn H đến chơi và tổ chức uống rượu tại nhà của G. Uống rượu đến khoảng 14 giờ cùng ngày thì Đ và H xin phép đi về trước. Lúc này G nghĩ đến việc có người đang thu mua cây cao su để lấy gỗ tại phường Ngô M, thành phố Kon Tum nên nảy sinh ý định “*Cưỡng đoạt tài sản (đòi tiền bảo kê)*” của chủ khai thác cây cao su tại đây rồi G nói cho Trần Quang H, Nguyễn Hữu D, Nguyễn Quang T, Nguyễn Quốc Duy T1 biết có người ở địa phương khác đến mua và khai thác cây cao su lấy gỗ tại khu vực gần cầu số 1, phường Ngô M, thành phố Kon T và rủ tất cả ra ngăn cản khai thác, đe dọa không cho chở cây đã khai thác ra khỏi lô cao su để buộc chủ khai thác PH đưa tiền bảo kê. Trần Quang H; Nguyễn Hữu D; Nguyễn Quang T; Nguyễn Quốc Duy T1 đều đồng ý tham gia. Lúc này G đi ra ngoài để lấy xe đi thì thấy Đ và H đang mặc áo lạnh và đội mũ bảo hiểm đi về thì G đến nói với Đ và H “*Lâu ngày anh em mới gặp nhau, có gì ở lại chờ anh đi công việc rồi ra quán lẩu ở Trung T nhậu tiếp*”, nói xong G ngồi lên xe mô tô BKS 82B1-540.50 của Nguyễn Hoàng Giang (em ruột G) và để Tân điều khiển xe chở G; Tân điều khiển xe mô tô kiểu dáng Sirius màu trắng không rõ BKS mượn của một người tên T nhà ở Gia L (*Chưa xác định được nhân thân, lai lịch*) chở D và H đi theo G ra lô cao su đang khai thác của anh T. Vì cùng đường đi ra ngã ba Trung T nên Đ điều khiển xe mô tô chở H đi theo sau. Ra đến nơi, D, T, T đứng ở đường đầu lô cao su nên Đ cũng dừng lại đợi G. Còn G và H đi vào trong lô cao su thì G và H gặp anh T cùng một số người anh T thuê để cưa cây gồm Nguyễn Văn T; Nguyễn Tấn D; Lại Quốc H, đang cưa và bốc gỗ cây cao su lên xe tải của anh Nguyễn Văn T. G gặp anh T và mọi người G đe dọa: Tôi là C Phương Q, đây là địa bàn của tôi, ai muốn mua cây cao su ở đây phải qua tôi nếu không không cho làm, có làm thì tôi sẽ không cho xe ra, cố tình làm có việc gì thì đừng trách và yêu cầu được gặp chủ khai thác. Anh T thấy G và đồng bọn hung hăng nên sợ không dám nhận mình là chủ thu mua cây cao su nên anh T nói với G anh và mọi người chỉ là người làm thuê. Lúc này G yêu cầu anh T và anh T đưa số điện thoại của chủ khai thác để G liên lạc thì anh T nói không có số nên G lấy số điện thoại của G đưa cho anh T và anh T yêu cầu đưa lại cho chủ khai thác cây cao su liên lạc với G. Từ giờ đến lúc G chưa liên lạc và thỏa thuận với chủ khai thác

thì không ai được làm gì. Sau đó G và H đi ra ngoài thông báo lại cho D, T, T biết là vào nhưng không gặp được chủ thu mua và khai thác cây cao su, có gì khi nào liên lạc thỏa thuận được sẽ thông báo sau nên tất cả ai về nhà đó. Thấy mọi người đều đi về và không đi nhậu nữa nên Đ điều khiển xe mô tô chở H về phòng trọ tại đường Hùng V, phường Quang T, thành phố Kon T. G về nhà do say rượu nên ngủ quên không gọi Đ đi uống rượu nữa. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày thì anh T lấy điện thoại ra gọi cho G nói là chủ thu mua cây cao su. Nghe vậy nên G nói đây là đại bàn của G, nếu muốn mua cây cao su ở đây thì phải đưa cho G và đồng bọn 20.000đ trên một cây cao su hoặc đưa cho G và đồng bọn 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) nếu không thì G không cho làm, nếu cố tình làm có việc gì xảy ra thì đừng trách, nghe vậy anh T sợ nên nói có gì sẽ gọi lại cho G. Sau đó anh T gặp và nói lại cho bạn của mình là Từ Tấn K hiện là cán bộ Công an thành phố Kon Tum nhờ K gọi điện thoại cho G để giúp T. Nghe vậy anh K gọi điện thoại cho G nói để cho T làm vì T đã lỡ bỏ tiền ra mua rồi. G nghe vậy không đồng ý mà nói với K muốn khai thác cây thì phải đưa cho G và đồng bọn 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) sau đó G cúp máy. K nói lại nội dung trao đổi giữa K và G cho T nghe. Không còn cách nào khác nên khoảng 16h30 ngày 09/10/2017, anh T gọi điện cho G để đưa tiền, G gọi cho H đến gặp T tại quán cafe Thu P thuộc tổ 2, phường Ngô M, thành phố Kon T để G dịch lấy tiền. H rủ thêm bạn là Nguyễn Gia Đ gọi taxi đi cùng (*Đ không biết H đi lấy tiền bảo kê*). Khi đến nơi, H vào quán cafe và lấy của anh T số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) thì bị cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang. Ngày 09/10/2017, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Kon Tum đã ra Lệnh bắt khẩn cấp đối với Nguyễn Hoàng G và Trần Quang H. Riêng Nguyễn Hữu D và Nguyễn Quốc Duy T1 sau một thời gian gây án bỏ trốn đã đến Cơ quan CSĐT công an thành phố Kon Tum đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đồng bọn.

Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an thành phố Kon Tum đã thu giữ số tiền là 10.705.000đ (*Mười triệu bảy trăm lẻ năm nghìn đồng*); 01 (*Một*) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màn hình cảm ứng màu đen, số IMEIL: 355228082764711/01, cùng sim số điện thoại 0983222479 (*Đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng chất lượng*); 01 (*Một*) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, BKS: 82B1-540.50; cùng đăng ký xe mô tô số 036750 của xe mô tô 82B1-540.40 (*Đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng chất lượng*); 01 (*Một*) giấy chứng minh nhân dân số 233296598 mang tên Nguyễn Hoàng G; 01 (*Một*) điện thoại di động hiệu Nokia màu xám – đen số sê ri: 355926040305911 (*Đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng chất lượng*).

Đối với số tiền 10.705.000đ thì 10.000.000đ là của anh Nguyễn Tấn T, 705.000đ là tiền riêng của Trần Quang H; xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, BKS 82B1-540.50; cùng đăng ký xe mô tô số 036750 của xe mô tô 82B1-540.40 là của Nguyễn Hoàng G khi G sử dụng vào việc phạm tội G không biết nên Cơ quan CSĐT

Công an thành phố Kon Tum đã trả lại cho chủ sở hữu là đúng quy định của pháp luật.

Đối với 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màn hình cảm ứng màu đen, số IMEIL: 355228082764711/01, cùng sim số điện thoại 0983222479; 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia màu xám – đen số sê ri: 355926040305911 chuyển Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với 01 (Một) giấy chứng minh nhân dân số 233296598 mang tên Nguyễn Hoàng G không liên quan đến vụ án nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum đã trả lại cho Nguyễn Hoàng G.

Bản cáo trạng số 19/CT-VKSĐT ngày 21/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum đã truy tố bị cáo Nguyễn Hữu D về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015 (trước đây là điểm c khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Hình sự năm 1999). Truy tố các bị cáo Nguyễn Hoàng G, Nguyễn Quốc Duy T1, Trần Quang H, Nguyễn Quang T về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015 (trước đây là khoản 1 Điều 135 của Bộ luật Hình sự năm 1999).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum vẫn giữ nguyên quyết định truy tố theo bản cáo trạng đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm e khoản 2 Điều 170; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu D từ 18 tháng đến 24 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Đề nghị Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng G từ 15 tháng đến 18 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án và được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam trước đây từ ngày 09/10/2017 đến ngày 06/02/2018; xử phạt bị cáo Trần Quang H từ 13 tháng đến 15 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án và được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam trước đây từ ngày 09/10/2017 đến ngày 31/01/2018.

Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc Duy T1 từ 12 tháng đến 15 tháng tù, nhưng cho hưởng áo tren, thời gian thử thách nhân đôi; xử phạt bị cáo Nguyễn Quang T từ 12 tháng đến 15 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách nhân đôi

Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màn hình cảm ứng màu đen và 01

điện thoại di động hiệu Nokia màu xám đều đã qua sử dụng; Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại di động có số 0983222479 mà các bị cáo dùng vào việc phạm tội.

Tại phiên tòa, tất cả đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình là đúng với nội dung bản cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum, các bị cáo không tự bào chữa cho hành vi phạm tội của mình và không có ý kiến tranh luận với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hoàng G trong quá trình điều tra cho rằng đã được nhận lại xe mô tô biển số 82B1-540.50 và không có ý kiến gì hay yêu cầu gì.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng đều mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bên cạnh đó, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về áp dụng Bộ luật hình sự: Xét hành vi phạm tội của các bị cáo mặc dù được thực hiện trước 0 giờ 00 ngày 01/01/2018 ngày Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực, tuy nhiên so sánh giữa tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 135 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 170 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì không thuộc trường hợp có lợi và cũng không gây bất lợi cho hành vi phạm tội của các bị cáo nên Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung vụ án: Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở pháp lý kết luận:

Khoảng 14 giờ ngày 08/10/2017, tại khu vực tổ 4, Phường Ngô M, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum, các bị cáo Nguyễn Hữu D, Nguyễn Hoàng G, Nguyễn Quốc

Duy T1, Trần Quang H, Nguyễn Quang T đã dùng thủ đoạn ngăn cản, đe dọa và uy hiếp tinh thần không cho anh Nguyễn Tấn T khai thác và vận chuyển gỗ cây cao su do anh T mua hợp pháp mục đích nhằm buộc anh T đưa tiền mới cho khai thác và vận chuyển gỗ cây cao su và chiếm đoạt của anh Nguyễn Tấn T số tiền là 10.000.000 đồng. Hành vi nói trên của các bị cáo đã phạm vào tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đối với bị cáo Nguyễn Hữu D khi thực hiện hành vi phạm tội đã có 02 tiền án về tội “*Cố ý gây thương tích*” và “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Tại bản án số 46/2014/HS-ST, ngày 12/5/2014 của Tòa án nhân dân thành phố KonTum, bị cáo đã bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Tái phạm*” và chưa được xóa án tích nhưng bị cáo lại tiếp tục phạm tội do cố ý nên hành vi phạm tội lần này của bị cáo thuộc trường hợp “*Tái phạm nguy hiểm*” là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó cáo trạng số 19/CT-VKSĐT ngày 21/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố KonTum, tỉnh KonTum đã truy tố các bị cáo nói trên là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[4] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an trên địa bàn thành phố KonTum. Khi phạm tội các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công vai trò của từng người, không có sự cấu kết chặt chẽ nên hành vi của các bị cáo thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Nguyễn Hoàng G là người khởi xướng đồng thời là người thực hành, bị cáo Trần Quang H là người thực hành, các bị cáo Nguyễn Hữu D, Nguyễn Quốc Duy T1 và Nguyễn Quang T tham gia với vai trò là người giúp sức. Vì vậy, cần phải xem xét về nhân thân và vai trò của từng bị cáo để xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm khắc và tương xứng nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành những công dân tốt, sống biết tôn trọng pháp luật.

[5] Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Hoàng G và bị cáo Nguyễn Hữu D, có nhân thân xấu, nhiều lần bị kết án, các bị cáo đã được học tập, cải tạo nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân để rèn luyện, tu chí mà vẫn tiếp tục phạm tội, còn đối với Trần Quang H mặc dù bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nhưng trong vụ án này lại là người trực tiếp cùng với G vào trong lô cao su gặp anh T để đe dọa và cưỡng đoạt của anh T số tiền 10 triệu đồng, chứng tỏ các bị cáo là người lười lao động chân chính nhưng lại thích có tiền tiêu xài cá nhân nên đã bất chấp, coi thường pháp luật và coi thường tài sản của người khác. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng G, bị cáo Nguyễn Hữu D và bị cáo Trần Quang H một mức án nghiêm minh và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để tiếp tục cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành một công dân sống biết tôn trọng pháp luật.

[6] Đối với các bị cáo Nguyễn Quốc Duy T1 và Nguyễn Quang T trước khi phạm tội đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu.

[7] Xét thấy bị cáo Nguyễn Quốc Duy T1 và Nguyễn Quang T có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ để răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, biết tôn trọng pháp luật.

[8] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tất cả các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[9] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi ngay và đã trả lại cho người bị hại nên xem đây là trường hợp phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 cần áp dụng cho các bị cáo được hưởng khi lượng hình. Ngoài ra bị cáo Nguyễn Hữu D và bị cáo Nguyễn Quốc Duy T1 còn đến Cơ quan CSĐT Công an thành phố Kon Tum đầu thú nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Và Hội đồng xét xử căn cứ Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Hữu D.

[10] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo đều làm nông và không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[11] Trong vụ án này còn có đối tượng Trần Văn Đ, Trần Văn H có đi ra lô cao su và đối tượng Nguyễn Gia Đ là người đi cùng với bị cáo Huy khi đi lấy tiền bảo kê của anh Nguyễn Tấn T nhưng các đối tượng này không biết các bị cáo đi cưỡng đoạt tài sản cũng như nhận tiền cưỡng đoạt nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố Kon Tum không xử lý trách nhiệm hình sự là đúng quy định của pháp luật.

[12] Về vật chứng của vụ án: Xét thấy việc xử lý vật chứng trong quá trình giải quyết vụ án của Cơ quan CSĐT Công an thành phố Kon Tum và Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum là đúng quy định của pháp luật nên không xem xét. Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màn hình cảm ứng màu đen, số IMEIL: 355228082764711/01, cùng sim số điện thoại 0983222479; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xám – đen số sê ri: 355926040305911 là phương tiện mà các bị cáo đã sử dụng để liên lạc trong khi thực hiện hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 02 điện thoại di động nói trên, đối với 01 sim di động có số 0983222479 giá trị sử dụng không đáng kể nên tịch thu tiêu hủy.

[13] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Nguyễn Tấn T đã nhận lại số tiền 10.000.000 đồng và không yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[14] Đối với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum đưa ra tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân: Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 170; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu D từ 18 tháng đến 24 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án; Đề nghị Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng G từ 15 tháng đến 18 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án và được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam trước đây từ ngày 09/10/2017 đến ngày 06/02/2018; xử phạt bị cáo Trần Quang H từ 13 tháng đến 15 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án và được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam trước đây từ ngày 09/10/2017 đến ngày 31/01/2018; Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc Duy T1 từ 12 tháng đến 15 tháng tù, nhưng cho hưởng áo treo, thời gian thử thách nhân đôi; xử phạt bị cáo Nguyễn Quang T từ 12 tháng đến 15 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách nhân đôi; Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màn hình cảm ứng màu đen và 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xám đều đã qua sử dụng; Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại di động có số 0983222479 mà các bị cáo dùng vào việc phạm tội. Xét quan điểm của Viện kiểm sát về mức hình phạt, xử lý vật chứng cũng như đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử, do vậy được chấp nhận.

[15] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 170; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu D (Tên gọi khác: B) phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu D** 18 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hoàng G (Tên gọi khác: C) và Trần Quang H (Tên gọi khác: N) phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hoàng G** 15 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án và được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam trước đây từ ngày 09/10/2017 đến ngày 06/02/2018.

Xử phạt bị cáo **Trần Quang H** 13 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án và được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam trước đây từ ngày 09/10/2017 đến ngày 31/01/2018.

Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Quốc Duy T1 (Tên gọi khác: M) và Nguyễn Quang T (Tên gọi khác: T) phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Quốc Duy T1** 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 tháng, tính từ ngày tuyên án 27/4/2018.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Quang T** 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 tháng, tính từ ngày tuyên án 27/4/2018.

G bị cáo Nguyễn Quốc Duy T1 cho Ủy ban nhân dân xã Vinh Q, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

G bị cáo Nguyễn Quang T cho Ủy ban nhân dân phường Quang T, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

- Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

+ Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màn hình cảm ứng màu đen, số IMEIL: 355228082764711/01 và 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xám – đen số sê ri: 355926040305911 đều đã qua sử dụng.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại di động có số 0983222479.

(Tất cả vật chứng nêu trên theo như Biên bản G, nhận vật chứng ngày/4/2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Kon Tum và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum).

- Về án phí: Căn cứ Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Buộc các bị cáo Nguyễn Hữu D, Nguyễn Hoàng G, Nguyễn Quốc Duy T1, Trần Quang H, Nguyễn Quang T, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015,

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (27-4-2018) các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Riêng người hại hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- VKSND thành phố Kon Tum;
- Công an thành phố Kon Tum;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố Kon Tum;
- Chi cục THADS thành phố Kon Tum;
- Các bị cáo;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Văn Nurm